

Số: 220 /QĐ - BVCTCH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu

Gói thầu thuốc Generic

Thuộc dự toán: Gói thầu mua thuốc năm 2018 - 2019

Chủ đầu tư: Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2014;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/8/2014;

Căn cứ Thông tư số 11/2016/TT-BYT ngày 11 tháng 5 năm 2016 của Bộ Y tế quy định về việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định 3377/QĐ-SYT ngày 17 tháng 5 năm 2017 của Giám đốc Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình thuộc Sở Y tế;

Căn cứ Quyết định số 1191/QĐ-BVCTCH ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình về việc phê duyệt dự toán Mua thuốc năm 2018 – 2019 của Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình;

Căn cứ Quyết định số 4626/QĐ-SYT ngày 27 tháng 5 năm 2019 của Giám đốc Sở Y tế về việc duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Các gói thầu mua sắm thuốc năm 2019 của Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình;

Căn cứ Quyết định số 349/QĐ-BVCTCH ngày 29 tháng 5 năm 2019 của Giám đốc Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình về việc thành lập Bên mời thầu Các gói thầu mua sắm thuốc năm 2019 của Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình;

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-BVCTCH ngày 29 tháng 5 năm 2019 của Giám đốc Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình về việc thành lập Tổ thẩm định Các gói thầu mua sắm thuốc năm 2019 của Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình;

Căn cứ Quyết định số 351/QĐ-BVCTCH ngày 29 tháng 5 năm 2019 của Giám đốc Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình về việc thành lập Tổ chuyên gia Các gói thầu mua sắm thuốc năm 2019 của Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình;



Căn cứ Quyết định số 386/QĐ-BVCTCH ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Giám đốc Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu Gói thầu mua sắm thuốc Generic, thuộc dự toán Gói thầu mua thuốc năm 2018 - 2019 của Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình;

Căn cứ Quyết định số 686/QĐ-BVCTCH ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Giám đốc Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình về việc Phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật Gói thầu thuốc Generic, thuộc dự toán Gói thầu mua thuốc năm 2018 - 2019 của Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình;

Căn cứ Quyết định số 807/QĐ-BVCTCH ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Giám đốc Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình Về việc Phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu Gói thầu thuốc Generic, thuộc dự toán Gói thầu mua thuốc năm 2018 - 2019 của Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình;

Xét Tờ trình về việc đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu ngày 03 tháng 10 năm 2019 của Bên mời thầu và Báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu ngày 04 tháng 10 năm 2019 của Tổ thẩm định Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình về việc đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, Gói thầu thuốc Generic, thuộc dự toán Gói thầu mua thuốc năm 2018 - 2019 của Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình;

Xét đề nghị của Bên mời thầu Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu thuốc Generic của Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình với các nội dung như sau:

1. Chủ đầu tư: Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình
2. Tên gói thầu: Gói thầu thuốc Generic
3. Nguồn vốn: Nguồn từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh (bao gồm cả nguồn thu do cơ quan BHXH thanh toán) và nguồn thu hợp pháp khác
4. Hình thức đấu thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước
5. Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, hai túi hồ sơ
6. Tổng số nhà thầu trúng thầu: **48** nhà thầu
7. Tổng số mặt hàng trúng thầu: **205** mặt hàng
8. Tổng giá trị gói thầu trúng thầu: **28.211.301.534 đồng**
(Số tiền bằng chữ: Hai mươi tám tỷ hai trăm mười một triệu ba trăm lẻ một nghìn năm trăm ba mươi bốn đồng)
9. Tên nhà thầu, tên hàng hóa và giá trúng thầu: theo danh sách đính kèm
10. Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói
11. Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Điều 2. Bên mời thầu, Tổ chuyên gia, Tổ Thẩm định Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình tự chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá Hồ sơ dự thầu và đề xuất thứ tự xếp hạng nhà thầu theo quy định.

Điều 2. Bên mời thầu, Tổ chuyên gia, Tổ Thẩm định Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình tự chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá Hồ sơ dự thầu và đề xuất thứ tự xếp hạng nhà thầu theo quy định.

Điều 3. Bên mời thầu Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình có trách nhiệm: đề xuất kết quả lựa chọn nhà thầu; đăng tải thông tin về kết quả lựa chọn nhà thầu lên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc Báo đấu thầu; gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho các nhà thầu tham dự thầu và chuẩn bị nội dung chặt chẽ để hoàn thiện hợp đồng, hợp đồng phải đảm bảo chất lượng và phải chú ý đến các điều khoản chế tài trong thực hiện hợp đồng. Tham vấn cho Chủ đầu tư ký hợp đồng chính thức với các nhà thầu trúng thầu, tổ chức thực hiện hợp đồng mua sắm hàng hóa theo đúng quy định hiện hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bên mời thầu, Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định và các phòng ban liên quan khác của Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- P.TCKT bệnh viện;
- Kho bạc Nhà nước Quận 5;
- Lưu: VT, KD (10b).

GIÁM ĐỐC



BS. Châu Văn Đính



BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THUỐC TRÚNG THẦU

GÓI THẦU THUỐC GENERIC THEO QUYẾT ĐỊNH TRÚNG THẦU SỐ 820 /QĐ-BVCTCH NGÀY 07/10/2019

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM MINH TRÍ																
1																
1	44	Diltiazem hydrochloride	Eurozitem 60 mg		VN-16697-13	60mg	Viên nén		Uống	Viên	S.C.Arena Group S.A	Romania	Hộp 5 vi x 10 viên	1.600	1.100	1.760.000
2	69	Ketoprofen	Qepentex		7380/QLD-KD	20mg	Miếng dán		Dán ngoài da	Miếng	Kyukyu Pharmaceutical Co.,Ltd	Nhật Bản	1 Gói x 7 miếng	12.450	4.080	50.796.000
TỔNG CỘNG															2	52.556.000
3 CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÁI AN																
1																
1	71	Lactulose	Laevolac		VN-19613-16	10g/15ml	Dung dịch uống		Uống	Gói	Fresenius Kabi Austria GmbH	Austria	Hộp 20 gói 15 ml	2.688	3.900	10.483.200
2	116	Vancomycin (dưới dạng Vancomycin hydroclorid)	Voxin		VN-20141-16	500mg	Bột đông khô pha tiêm		Tiêm	lọ	Vianex S.A_Nhà máy C	Greece	Hộp 1 lọ	61.992	1.600	99.187.200
TỔNG CỘNG															2	109.670.400
4 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SONG VIỆT																
2																
1	19	Methotrexat	Unitrexates		VN2-191-13, CVGH SDK ĐẾN 20/05/2020	2.5mg	Viên nén		Uống	Viên	Korea United Pharm. Inc.	Korea	Hộp 10 vi x 10 viên	2.200	2.000	4.400.000
TỔNG CỘNG															1	4.400.000
3																

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hãng hóa dự thầu	Tên hãng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
2	20	Calci carbonat + Vitamin D3	Calsid 1250		VD-9759-09, CVGH SĐK ĐẾN 08/08/2019	750mg + 100 iu	viên nang mềm		Uống	Viên	Công ty liên doanh được phẩm Mebiphar-Austraphar m	Việt Nam	Hộp 20 vi x 5 viên	900	102.300	92.070.000
													TỔNG CỘNG	1	92.070.000	
													TỔNG CỘNG	2	96.470.000	
6 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM NAM KHANG																
2																
1	3	Ampicillin (dưới dạng Ampicillin natri) + Sulbactam (dưới dạng Sulbactam natri)	Auropennz 1.5		VN-17643-14	1g + 0,5g	Bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Aurobindo Pharma Ltd.	India	Hộp 1 lọ + 1 ống nước pha tiêm 5ml	32.319	38.300	1.237.817.700
													TỔNG CỘNG	1	1.237.817.700	
3																
2	24	Cefdinir	Midaxin 150		VD-12308-10	150mg	Viên nang		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Việt Nam	Hộp 1 túi x 2 vi x 10 viên	7.875	5.000	39.375.000
													TỔNG CỘNG	1	39.375.000	
													TỔNG CỘNG	2	1.277.192.700	
7 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM THIÊN KIM																
1																
1	26	Cefoperazon + Sulbactam	Basultam		VN-18017-14	1g + 1g	Bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Medochemie Ltd. - Factory C	Cyprus	Hộp 1 lọ bột pha tiêm	184.900	5.590	1.033.591.000
													TỔNG CỘNG	1	1.033.591.000	
													TỔNG CỘNG	1	1.033.591.000	
8 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠI PHÁT																
1																
1	104	Ranitidin	Raxadoni		VN-16732-13	25mg/1ml	Dung dịch tiêm		Tiêm	Ống	Demo S.A Pharmaceutical Industry	Greece	Hộp 5 ống x 2ml	22.000	10.600	233.200.000

Chu 2/37

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	
TỔNG CỘNG															1	233.200.000	
9 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NHẤT ANH															TỔNG CỘNG	1	233.200.000
1																	
1	45	Diosmin + Hesperidin	Venokern 500mg Film coated tablet	Venokern 500mg viên nén bao phim	VN-21394-18	450mg	+ viên nén bao phim		Uống	Viên	Kern Pharma S.L.	Spain	Hộp 06 vi x 10 viên	3.100	8.150	25.265.000	
2	94	Paracetamol + Codeine phosphate	Codalgin Forte		VN-13600-11 (CV GIA HẠNH SĐK 5547/QLD-ĐK, 16/04/2019)	500mg 30mg	+ viên nén		Uống	Viên	Aspen Pharma Pty., Ltd	Australia	Hộp 2 vi x 10 viên	3.100	1.900	5.890.000	
TỔNG CỘNG															2	31.155.000	
10 CÔNG TY TNHH DP TUỆ HẢI															TỔNG CỘNG	2	31.155.000
1																	
1	3	Isoleucine; Leucine; Lysine (dưới dạng lysine HCl); Methionine; Phenylalanine; Threonine; Tryptophan; Valine; Arginine; Histidine; Alanine; Glycine; Aspartic acid; Glutamic acid; Proline; Serine; Tyrosine; Sodium acetate trihydrate; Sodium hydroxide; Potassium acetate; Sodium chloride; Magnesium chloride hexahydrate; Disodium phosphate dodecahydrate.	Aminoplasma B.Braun 5% E	Aminoplasma B.Braun 5% E	VN-18161-14	Mỗi 250ml chứa Isoleucine 0,625g; Leucine 1,1125g; Lysine (dưới dạng lysine HCl) 0,8575g; Methionine 0,55g; Phenylalanine 0,5875g; Threonine 0,525g; Tryptophan 0,20g; Valine 0,775g; Arginine 1,4375g; Histidine 0,375g; Alanine 1,3125g; Glycine	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Chai/Túi 250ml	Tiêm	Chai	B.Braun Melsungen AG	Đức	Hộp 10 chai 250ml	67.725	390	26.412.750	

Uly 3/37

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
						1,50g; Aspartic acid 0,70g; Glutamic acid 0,90g; Proline 0,6875g; Serine 0,2875g; Tyrosine 0,10g; Sodium acetate trihydrate 0,34025g; Sodium hydroxide 0,035g; Potassium acetate 0,61325g; Sodium chloride 0,241g; Magnesium chloride hexahydrate 0,127g; Disodium phosphate dodecahydrate 0,89525g.										
2	4	Isoleucine; Leucine; Lysine (dưới dạng lysine HCl); Methionine; Phenylalanine; Threonine; Tryptophan; Valine; Arginine; Histidine; Alanine; Glycine; Aspartic acid; Glutamic acid; Proline; Serine; Tyrosine; Sodium acetate trihydrate; Sodium hydroxide; Potassium acetate; Sodium chloride; Magnesium	Aminoplasma B. Braun 5% E		VN-18161-14	Mỗi 250ml chứa Isoleucine 0,625g; Leucine 1,1125g; Lysine (dưới dạng lysine HCl) 0,8575g; Methionine 0,55g; Phenylalanine 0,5875g; Threonine 0,525g;	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Chai/Túi 500ml	Tiêm	Chai	B. Braun Melsungen AG	Đức	Hộp 10 chai 500ml	116.000	2.080	241.280.000

4/37

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3) chloride hexahydrate; Disodium phosphate dodecahydrate.	(4)	(5)	(6)	(7) Tryptophan 0,20g; Valine 0,775g; Arginine 1,4375g; Histidine 0,375g; Alanine 1,3125g; Glycine 1,50g; Aspartic acid 0,70g; Glutamic acid 0,90g; Proline 0,6875g; Serine 0,2875g; Tyrosine 0,10g; Sodium acetate trihydrate 0,34025g; Sodium hydroxide 0,035g; Potassium acetate 0,61325g; Sodium chloride 0,241g; Magnesium chloride hexahydrate 0,127g; Disodium phosphate dodecahydrate 0,89525g.	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)

ulu

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
3	5	Isoleucine, Leucine, Lysine Hydrochloride, Methionine, Phenylalanine, Threonine, Tryptophan, Valine, Arginine glutamate, Histidine hydrochloride monohydrate, Alanine, Aspartic Acid, Glutamic Acid, Glycine, Proline, Serine, Magnesium acetate tetrahydrate, Sodium acetate trihydrate, Sodium chloride, Sodium hydroxide, Potassium hydroxide, Potassium Dihydrogen Phosphate, Glucose monohydrate, Calcium Chloride Dihydrate	Nutriflex Peri		VN-18157-14	40g + 80g	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Túi 2 ngăn 1000ml	Tiêm	Túi	B.Braun Medical AG	Thụy Sĩ	Hộp 5 túi 1000ml	404.000	2.720	1.098.880.000
4	82	Natri clorid + Kali clorid + Calci clorid dihydrat + Natri acetat trihydrat + Magnesi clorid hexahydrat + L-malic acid	Ringerfundin	Ringerfundin	VN-18747-15	3,4g/500ml; 0,15g/500ml; 0,19g/500ml; 1,64g/500ml; 0,1g/500ml; 0,34g/500ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai 500ml	Tiêm	Chai	B.Braun Melsungen AG	Đức	Hộp 10 chai 500ml	19.950	2.500	49.875.000
											TỔNG CỘNG				4	1.416.447.750
2																
5	16	Succinylated Gelatin (Modified fluid gelatin) + Sodium clorid + Sodium hydroxid	Gelofusine		VN-20882-18	Mỗi 500ml chứa: Succinylated Gelatin (Modified fluid gelatin) 20,0g+ Sodium clorid 3,505g+ Sodium hydroxid 0,68g	Dung dịch tiêm truyền	Chai 500ml	Tiêm	Chai	B.Braun Medical Industries Sdn. Bhd	Malaysia	Hộp 10 chai plastic 500ml	116.000	370	42.920.000
											TỔNG CỘNG				1	42.920.000

ƯU 6/37

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	
11 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC															TỔNG CỘNG	5	1.459.367.750
1																	
	1	27	Celecoxib	Cofidec 200mg		VN-16821-13	200mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Lek Pharmaceuticals d.d.	Slovenia	Hộp 2 vỉ x 10 viên	9.450	52.410	495.274.500
															TỔNG CỘNG	1	495.274.500
12 CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN															TỔNG CỘNG	1	495.274.500
1																	
	1	70	Ketorolac trometamol	KEVINDOL		VN-22103-19	30mg/ml	Dung dịch tiêm		Tiêm	Ống	Esseti Pharmaceuticals S.r.l	Y	Hộp 3 ống 1ml	33.500	8.460	283.410.000
															TỔNG CỘNG	1	283.410.000
2																	
	2	25	Pregabalin	REGABIN 75		VN-20016-16	75mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Macleods Pharmaceuticals Ltd.	Ấn Độ	Hộp 1 vỉ x 10 viên	2.400	9.640	23.136.000
															TỔNG CỘNG	1	23.136.000
3																	
	3	111	Ticarcilin (dưới dạng Ticarcilin dinatri) + Acid clavulanic (dưới dạng Clavulanat kali)	VITICALAT 1,6G		VD-26321-17	1,5g + 0,1g	Thuốc bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Việt Nam	Hộp 1 lọ, Hộp 10 lọ	103.000	220	22.660.000
															TỔNG CỘNG	1	22.660.000
5																	
	4	7	Febuxostat	ZENTOGOUT-80		QLDB-655-18	80mg	Viên nén		Uống	Viên	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 10 viên	12.300	1.000	12.300.000
															TỔNG CỘNG	1	12.300.000
13 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH KỲ															TỔNG CỘNG	4	341.506.000

ulu

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
2																
1	30	Sultamicillin	Sulcilat 375mg Tablets		VN-19831-16	375mg	Viên nén		Uống	Viên	Atabay Kimya Sanayi Ve Ticaret A.S	Thổ Nhĩ Kỳ	Hộp 1 vi x 10 viên	13.500	23.100	311.850.000
TỔNG CỘNG															1	311.850.000
TỔNG CỘNG															1	311.850.000
14 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỨC ANH																
1																
1	10	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin natri) + Acid Clavulanic (dưới dạng kali clavulanat)	Axuka		VN-20700-17	1000mg +200mg	Bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	S.C.Antibiotic S.A	Romani	Hộp 50 lọ	38.997	28.050	1.093.865.850
TỔNG CỘNG															1	1.093.865.850
TỔNG CỘNG															1	1.093.865.850
15 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI																
2																
1	6	Calcitriol	MEDITROL		VN-18020-14	0,25mcg	Viên nang mềm		Uống	Viên	Mega Lifescience s Public Company Ltd	Thailand	Hộp 3 vi x 10 viên	2.050	19.290	39.544.500
2	15	Etoricoxib	NUCOXIA 90		VN-13085-11	90mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Cadila Healthcare Ltd	India	Hộp 10 vi x 10 viên	2.996	30.250	90.629.000
TỔNG CỘNG															2	130.173.500
5																
3	9	Mecobalamine	MEBAAL 1500		VN-20019-16	1500mcg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Windlas Biotech Private Limited	India	Hộp 3 vi x 10 viên	3.450	13.000	44.850.000
TỔNG CỘNG															1	44.850.000
TỔNG CỘNG															3	175.023.500
18 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG																

ulu

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
3																
1	9	Chymotrypsin	Alfachim		VD-18712-13	4.2mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty CPDP Cửu Long	Việt Nam	Hộp 50 vi x 10 viên nén	125	300.000	37.500.000
2	17	Calci carbonat + Calci lactat gluconat	Calcium VPC 500		VD-26778-17	300mg 2940mg	+ viên nén sủi bọt		Uống	Viên	Công ty CPDP Cửu Long	Việt Nam	Hộp 1 tuýp *20 viên nén sủi	1.186	326.230	386.908.780
3	27	Celecoxib	Vicoxib 200		VD-19336-13	200mg	viên nang cứng		Uống	Viên	Công ty CPDP Cửu Long	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên nang cứng	500	34.940	17.470.000
4	69	Acetylcystein	Acetylcystein		VD-21827-14	200mg	Thuốc bột uống		Uống	Gói	Công ty CPDP Cửu Long	Việt Nam	Hộp 100 gói x 1g	510	5.300	2.703.000
5	89	Paracetamol + Codein phosphat	Panalgan Effer Codein		VD-31631-19	500mg +30mg	Viên nén sủi		Uống	Viên	Công ty CPDP Cửu Long	Việt Nam	Hộp 4 vi x 4 viên nén sủi	1.200	800	960.000
6	90	Paracetamol + Tramadol hydroclorid	DinalvicVPC		VD-18713-13	325mg +37.5mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Công ty CPDP Cửu Long	Việt Nam	Hộp 2 vi x 10 viên nang cứng	366	107.800	39.454.800
TỔNG CỘNG															6	484.996.580
19 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ														TỔNG CỘNG	6	484.996.580
1																
1	32	Cytidine-5-monophosphat disodium + Uridine	NUCLEO CMP FORTE	NUCLEO CMP FORTE	VN-18720-15	10mg+2,66mg	Bột đông khô và dung môi pha tiêm		Tiêm	Ống	Ferrer Internacion al S.A	Spain	H/3 ống bột và 3 ống dung môi 2ml	52.500	340	17.850.000
2	100	Promethazine hydrochloride	PIPOLPHEN		VN-19640-16	50mg/2ml	Dung dịch thuốc tiêm		Tiêm	Ống	Egis Pharmaceut icals Private Limited company	Hungary	Hộp 100 ống 2ml	13.520	270	3.650.400
3	115	Trolamine	BIAFINE		VN-9416-09	6,7mg/g	Nhũ trong bôi da	Tuýp 93g	Dùng ngoài	Tuýp	Janssen-Cilag	France	H/1 ống 93g	90.000	64	5.760.000
TỔNG CỘNG															3	27.260.400
20 CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH NGOẠI PHÚ GIA														TỔNG CỘNG	3	27.260.400

Ulu

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1	21	Salmon Calcitonin tổng hợp	Calco	Calco 50 I.U	VN-5473-10 (CÓ CÔNG VÂN GIA HAN)	50 iu/ml	Dung dịch tiêm		Tiêm	ống	Lisapharma S.p.A	Italy	Hộp 5 ống 1ml	54.000	432	23.328.000
TỔNG CỘNG															1	23.328.000
TỔNG CỘNG															1	23.328.000
21 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TÂY ÂU																
1																
1	11	Ampicilin + Sulbactam	Ama Power		VN-19857-16	1000mg+500 mg	Bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	S.C.Antibiotice S.A.	Romani	Hộp 50 lọ	62.000	57.450	3.561.900.000
TỔNG CỘNG															1	3.561.900.000
TỔNG CỘNG															1	3.561.900.000
22 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA																
3																
1	66	Metoclopramid hydroclorid	Metoran	Metoran	VD-25093-16	10mg/2ml	Dung dịch tiêm		Tiêm	Ống	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Hộp 10 ống x 2ml	1.295	11.900	15.410.500
2	83	Papaverin hydroclorid	Papaverin 2%		VD-26681-17	40mg/2ml	Dung dịch tiêm		Tiêm	Ống	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Hộp 10 ống x 2ml	3.150	7.000	22.050.000
3	91	Vitamin K1	Vitamin K1 10mg/1ml		VD-18191-13 (CV 10829/QLD-ĐK ngày 01/07/2019)	10mg/1ml	Dung dịch tiêm	Ống 1ml	Tiêm	Ống	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Hộp 10 ống x 1ml	1.670	3.730	6.229.100
4	116	Acid tranexamic	Zentramol		VD-26684-17	250mg/5ml	Dung dịch tiêm		Tiêm	Ống	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Hộp 10 ống x 5ml	2.400	3.160	7.584.000
TỔNG CỘNG															4	51.273.600
TỔNG CỘNG															4	51.273.600
23 CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM CÁT THÀNH																
5																
1	8	Ketoprofen	KEFENTECH		VN-10018-10	30mg/miếng dán	Miếng dán		Dùng ngoài	Miếng	Jcil Health Science Inc	Hàn Quốc	Gói 7 miếng	8.800	4.080	35.904.000
TỔNG CỘNG															1	35.904.000

Ước 10/37

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	
24 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIÊN THẢO SÀI GÒN															TỔNG CỘNG	1	35.904.000
1																	
	1	53	Fosfomycin sodium	Fosmicin for I.V.Use 1g	VN-13784-11	1g	Bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Meiji Seika Pharma Co, Ltd	Nhật Bản	Hộp 10 lọ	101.000	300	30.300.000	
															TỔNG CỘNG	1	30.300.000
25 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GLOMED															TỔNG CỘNG	1	30.300.000
3																	
	1	43	Etoricoxib	Flexidron 60	VD-21270-14	60mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty TNHH Dược Phẩm Glomed	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	775	1.860	1.441.500	
															TỔNG CỘNG	1	1.441.500
															TỔNG CỘNG	1	1.069.500
26 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VĂN LANG															TỔNG CỘNG	2	2.511.000
1																	
	1	38	Diacerein	Arthrorcin	9590/QLD-KD ngày 10/07/2017	50mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	ONE PHARMA INDUSTRIAL PHARMACEUTICAL COMPANY SOCIETE ANONYME	Hy Lạp	Hộp 3 vỉ x 10 viên	12.000	13.700	164.400.000	
															TỔNG CỘNG	1	164.400.000

11/37

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
3																
	2	14	Attapulgit mornoiron hoạt hóa + gel khô nhôm hydroxyde và magne carbonate	Gastrolium		VD-29831-18	2500mg 500mg	+ Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Uống	Gói	Công ty cổ phần Dược phẩm Sao Kim	Việt Nam	Hộp 30 gói x 3g	1.890	150	283.500
														TỔNG CỘNG	1	283.500
														TỔNG CỘNG	2	164.683.500
27 CÔNG TY TNHH ĐẠI BẮC - MIỀN NAM																
1																
	1	55	Galantamin hydrobromid	Nivalin		VN-17333-13	2,5mg/ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Ông	Sopharma AD	Bulgaria	Hộp 10 ống 1ml	63.000	150	9.450.000
	2	56	Galantamin hydrobromide	Nivalin 5mg		15444/QLD-KD ngày 02/10/2017	5mg	viên nén	Uống	Viên	Sopharma AD	Bulgaria	Hộp 1 vi x 20 viên	21.000	500	10.500.000
														TỔNG CỘNG	2	19.950.000
														TỔNG CỘNG	2	19.950.000
28 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)																
3																
	1	11	Ampicilin (dưới dạng Ampicilin natri) + sulbactam (dưới dạng Sulbactam natri)	Bipisyn		VD-23775-15	1g + 500mg	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm	Lọ	Công ty CP Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 1 lọ	24.948	38.300	955.508.400
	2	25	Cefoperazon (dưới dạng Cefoperazon natri)	Bifopezon 1g	Bifopezon 1g	VD-28227-17	1g	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm	Lọ	Công ty CP Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 10 lọ	8.946	5.060	45.266.760
	3	35	Eperisone Hydroclorid	Waisan		VD-28243-17	50mg	viên nén bao phim	Uống	Viên	Công ty CP Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	289	179.250	51.803.250
	4	62	Mecobalamin	Galanmer		VD-28236-17	500mcg	viên nang cứng	Uống	Viên	Công ty CP Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	399	178.750	71.321.250

ulu 12/37

STT	STT trong Hồ sơ môi trường	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
5	85	Paracetamol	Biragan 150		VD-21236-14	150mg	thuốc đạn		Viên đặt hậu môn	Viên	Công ty CP Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 2 vi x 5 viên	1.554	2.550	3.962.700
6	87	Paracetamol	Biragan 300		VD-23136-15	300mg	Thuốc đạn		Viên đặt hậu môn	Viên	Công ty CP Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 2 vi x 5 viên	1.869	2.180	4.074.420
7	120	Vitamin C (acid ascorbic)	Bidicorbic 500		VD-19842-13 + KEM CV GIA HẠN SỔ : 19992/QLD-ĐK NGÀY 22/10/2018	500mg	viên nang cứng		Uống	Viên	Công ty CP Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Chai 100 viên	178	71.300	12.691.400
TỔNG CỘNG															7	1.144.628.180
29 CÔNG TY TNHH DP KHƯƠNG DUY															TỔNG CỘNG	7
2															7	1.144.628.180
1	2	Alphachymotrypsin (tương ứng 4.200 IU Chymotrypsin USP)	Statrripsine		VD-21117-14	4,2mg (td 21 microkatal)	Viên nén		Uống	Viên	Chi nhánh Công ty TNHH Liên doanh Stada -VN	Việt Nam	Hộp 2 vi x 10 viên nén	1.160	299.000	346.840.000
2	11	Phân đoạn flavonoid vi hạt tinh chế tương ứng với: Diosmin + các flavonoid biểu thị bằng hesperidin	Diosmin 500		VD-22349-15	450mg+50mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Chi nhánh Công ty TNHH Liên doanh Stada -VN	Việt Nam	Hộp 6 vi x 10 viên	1.145	8.150	9.331.750
3	17	Losartan kali	Lostad T25		VD-21534-14	25mg	Viên nén bao phim		Uống	viên	Chi nhánh Công ty TNHH Liên doanh Stada -VN	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	630	2.940	1.852.200
TỔNG CỘNG															3	358.023.950
30 CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR															TỔNG CỘNG	3
3															3	358.023.950

Ullu

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1	33	Diclofenac sodium	Diclofenac 75mg		VD-17672-12 (KÉM CV 1819/QLD-ĐK, 19/02/2019)	75mg	viên bao phim tan trong ruột		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	328	7.600	2.492.800
2	99	Sodium chloride, Potassium chloride, Calcium chloride dihydrat, Sodium acetate trihydrate	Acetate Ringer		VD-15871-11 (KÉM CV 5966/QLD-ĐK, 22/04/2019)		Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai/Túi 500ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	Chai 500ml	16.000	2.500	40.000.000
TỔNG CỘNG														2		42.492.800
TỔNG CỘNG														2		42.492.800
31 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NGUYỄN ANH KHOA																
3																
1	30	Dexibuprofen	Meyerdefen		VD-30777-18	300mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty Liên doanh Meyer - BPC	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	2.100	26.800	56.280.000
2	70	Naproxen	Meyerproxen 500		VD-31368-18	500mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty Liên doanh Meyer - BPC	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	2.625	1.500	3.937.500
TỔNG CỘNG														2		60.217.500
TỔNG CỘNG														2		60.217.500
32 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH																
3																
1	92	Povidon iod	Povidon iod 10%		VD-23647-15	10%	Dung dịch dùng ngoài	Chai/Lọ 500ml	Dùng ngoài	Chai	Công ty Cổ phần Dược phẩm Quảng Bình	Việt Nam	Chai 500ml	37.905	16.700	633.013.500
TỔNG CỘNG														1		633.013.500
TỔNG CỘNG														1		633.013.500
33 CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO																
2																

ulu

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1	7	Cefaclor (dưới dạng cefaclor monohydrat)	SCD CEFACLOR 250mg		VD-26433-17	250mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Công ty cổ phần Pymepharc o	Việt Nam	Hộp 2 vi x 10 viên	3.360	1.180	3.964.800
2	9	Ceftizoxim (dưới dạng ceftizoxim natri)	ZOXIMCEF 1g		VD-29359-18	1g	Thuốc bột pha tiêm		Uống	Lọ	Công ty cổ phần Pymepharc o	Việt Nam	Hộp 1 lọ	39.900	600	23.940.000
TỔNG CỘNG															2	27.904.800
3																
3	40	Mỗi lọ chứa Esomeprazol (dưới dạng esomeprazol natri)	ESOXIUM inj		VD-27306-17	40mg	Thuốc bột đông khô pha tiêm		Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần Pymepharc o	Việt Nam	Hộp 1 lọ	10.900	80	872.000
4	104	Silymarin	LIVERTON 70		VD-15891-11	70mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Công ty cổ phần Pymepharc o	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	890	24.800	22.072.000
TỔNG CỘNG															2	22.944.000
TỔNG CỘNG															4	50.348.800
35 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẠCH NIÊN																
1																
1	67	Potassium chloride	Kaldyum		VN-15428-12	600mg	Viên nang giải phóng chậm		Uống	Viên	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Hungary	Hộp 1 lọ 50 viên	1.950	3.100	6.045.000
TỔNG CỘNG															1	6.045.000
TỔNG CỘNG															1	6.045.000
36 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VACOPHARM																
2																
1	33	Acid Ursodeoxycholic	SAVIURSO 300		VD-23009-15	300mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	7.340	1.200	8.808.000
2	34	Vitamin B1 + Vitamin B6 + Vitamin B12	SAVI3B	SAVI3B	VD-30494-18	100mg + 100mg + 150mcg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	1.490	145.000	216.050.000

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	
TỔNG CỘNG														2	224.858.000		
3																	
3	119	Vitamin B6 + Magnesi lactat dihydrat	DEBOMIN		VD-22507-15	10mg 940mg	+	Viên nén sủi		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Việt Nam	Hộp 1 tuýp 10 viên	2.600	13.800	35.880.000
TỔNG CỘNG														1	35.880.000		
4																	
4	2	Diacerein	GLASXINE		VD-17702-12	50mg		Viên nang cứng		Uống	Viên	Công ty Cổ phần S.P.M	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	3.230	13.700	44.251.000
TỔNG CỘNG														1	44.251.000		
TỔNG CỘNG														4	304.989.000		
38 CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH																	
1																	
1	78	Monobasic natri phosphat + Dibasic natri phosphat	Fleet Enema		VN-21175-18	(19g 7g)/118ml	+	Dung dịch thụt trực tràng	Chai 133ml	Thụt trực tràng	Chai	C.B Fleet Company Inc	Mỹ	Hộp 1 chai 133ml	57.500	560	32.200.000
TỔNG CỘNG														1	32.200.000		
2																	
2	18	Mecobalamin	Kalmeco		VN-20341-17	500mcg		Viên nang cứng		Uống	Viên	PT. Kalbe Farma Tbk	Indonesia	Hộp 10 vỉ x 10 viên	1.693	178.750	302.623.750
TỔNG CỘNG														1	302.623.750		
3																	
3	7	Escin	Aescin 20mg		VD-23473-15	20mg		Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Việt Nam	Hộp 1 vỉ, 3 vỉ x 30 viên	2.980	50.000	149.000.000
TỔNG CỘNG														1	149.000.000		
TỔNG CỘNG														3	483.823.750		
41 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KIM PHÚC																	
1																	

ulu

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	
1	16	Bisoprolol fumarate	Bisoprolol Fumarate 2.5mg		VN-18126-14	2,5mg	Viên nén		Uống	Viên	Niche Generics Limited	Ireland	Hộp 2 vỉ * 14 viên	1.780	3.360	5.980.800	
TỔNG CỘNG															1	5.980.800	
42 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2															TỔNG CỘNG	1	5.980.800
1																	
1	17	Bisoprolol fumarate	Concor Tab 5mg 3x10'S	Concor 5mg	VN-17521-13	5mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	CSSX: Merck KGaA; CSĐG: Merck KGaA & Co., Werk Spittal	CSSX: Đức, đóng gói: Áo	Hộp 3 vỉ x 10 viên	4.290	480	2.059.200	
2	36	Dexketoprofen (dưới dạng Dexketoprofen trometamol)	Sympal Inj 50mg 5x2ml	Sympal	VN2-404-15	50mg/2ml	Dung dịch tiêm bắp chậm, tiêm tĩnh mạch chậm, truyền tĩnh mạch sau khi pha		Tiêm	Ống	A.Menarini Manufacturing Logistics and Services S.r.l	Ý	Hộp 5 ống x2ml	21.210	700	14.847.000	
3	41	Natri diclofenac	Voltaren Tab 75mg 10x10's	Voltaren	VN-11972-11	75mg	Viên nén phóng thích chậm		Uống	Viên	Novartis Farma S.p.A	Ý	Hộp 10 vỉ x 10 viên	6.185	19.000	117.515.000	
4	57	Gelatin khan (dưới dạng gelatin biến tính); NaCl; Magnesi clorid hexahydrat; KCl; Natri lactat (dưới dạng dung dịch Natri (S)-lactat)	Geloplasma inj 500ml	Geloplasma	VN-19838-16	Mỗi túi 500ml chứa: Gelatin khan (dưới dạng gelatin biến tính) 15g; NaCl 2,691g; Magnesi clorid hexahydrat 0,1525g; KCl 0,1865g; Natri lactat (dưới dạng dung dịch Natri (S)-lactat) 1,6800g	Dung dịch tiêm truyền	Túi 500ml	Tiêm truyền	Túi	Fresenius Kabi France	Pháp	Túi Polyolefine (freeflex) 500ml	110.000	370	40.700.000	

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
5	73	Lidocain hydroclorid khan (dưới dạng Lidocain hydroclorid monohydrat)	Xylocaine Jelly Oin 2 % 30g 10's	Xylocaine Jelly	VN-19788-16	Lidocain hydroclorid khan (dưới dạng Lidocain hydroclorid monohydrat) 2%	Gel	Tuýp 30g	Dùng ngoài	Tuýp	Recipharm Karlskoga AB	Thụy Điển	Hộp 10 tuýp x 30g	55.600	1.330	73.948.000
6	76	Methylprednisolone Hemisuccinat	Solu-Medrol Inj 125mg 25's	Solu-Medrol	VN-15107-12	125mg Methylprednisolon	Bột vô khuẩn pha tiêm		Tiêm tĩnh mạch, tiêm bắp (IV, IM)	Lọ	Pharmacia & Upjohn Company	Mỹ	Hộp 25 lọ Act-O-vial 2ml	75.710	760	57.539.600
7	79	Nadroparin Calcium	Fraxiparine Inj 0.3ml 10's	Fraxiparine 0,3ml	VN-14178-11	2850 anti-Xa IU/0,3ml	Dung dịch tiêm		Tiêm dưới da (SC)	Bơm tiêm	Aspen Notre Dame de Bondeville	Pháp	Hộp 10 bơm tiêm đóng sẵn x 0,3ml	64.787	1.540	99.771.980
8	85	Dầu đậu nành tinh chế; Triglycerid mạch trung bình; Dầu oliu tinh chế; Dầu cá tinh chế	Smoflipid 20% Inf 250ml 1's	Smoflipid 20%	VN-19955-16	100ml nhũ tương chứa: Dầu đậu nành tinh chế 6g; Triglycerid mạch trung bình 6g; Dầu oliu tinh chế 5g; Dầu cá tinh chế 3g	Nhũ tương truyền tĩnh mạch	Chai/Túi 250ml	Truyền tĩnh mạch ngoại vi hoặc tĩnh mạch trung tâm	Chai	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	Chai 250ml	155.000	3.265	506.075.000
9	86	Dầu đậu nành tinh chế; Triglycerid mạch trung bình; Dầu oliu tinh chế; Dầu cá tinh chế	Smoflipid 20% Inf 100ml 1's		VN-19955-16	100ml nhũ tương chứa: Dầu đậu nành tinh chế 6g; Triglycerid mạch trung bình 6g; Dầu oliu tinh chế 5g; Dầu cá tinh chế 3g	Nhũ tương truyền tĩnh mạch	Chai/Túi 100ml	Truyền tĩnh mạch ngoại vi hoặc tĩnh mạch trung tâm	Chai	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	Chai 100ml	98.000	200	19.600.000
10	96	Perindopril Arginine	Coversyl Tab 5mg 30's	Coversyl 5mg	VN-17087-13	5mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Hộp 1 lọ 30 viên	5.650	1.600	9.040.000
11	102	Propofol	Fresofol 1% Mct/Lct Inj 20ml 5's	Fresofol 1% MCT/LCT	VN-17438-13	1% (10mg/ml)	Nhũ tương để tiêm hoặc tiêm truyền tĩnh mạch	Lọ/Ống 20ml	Tiêm hoặc tiêm truyền tĩnh mạch (IV)	Ống	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	Hộp 5 ống 20ml	32.300	5.250	169.575.000

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
12	105	Rocuronium Bromide	Rocuronium Kabi 10mg/ml Inj 10x5ml	Rocuronium Kabi 10mg/ml	VN-18303-14	10mg/ml	Dung dịch tiêm, truyền tĩnh mạch	Lọ/Ống 5ml	Truyền tĩnh mạch	Lọ	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	Hộp 10 lọ 5ml	52.000	1.170	60.840.000
13	106	Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfat)	Ventolin Nebules 2.5mg/ 2.5ml 6x5's	Ventolin Nebules	VN-20765-17	Mỗi 2,5ml chứa: Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfat) 2,5mg	Dung dịch khí dung	Ống 2,5ml	Dùng cho máy khí dung	Ống	GlaxoSmith Kline Australia Pty., Ltd.	Úc	Hộp 6 vi x 5 ống 2,5ml	4.575	1.260	5.764.500
14	107	Secukinumab	Fraizeron Inj 150mg 1's	Fraizeron	QLSP-H02-983-16	150mg	Bột pha dung dịch tiêm		Tiêm	Lọ	Novartis Pharma Stein AG	Thụy Sĩ	Hộp 01 lọ	7.820.000	30	234.600.000
15	112	Poly (O-2-hydroxyethyl) starch (HES 130/0,4); Natri acetat trihydrate; Natri clorid; Kali clorid; Magnesi clorid hexahydrat	Volulyte IV 6% 1's	Volulyte 6%	VN-19956-16	Mỗi túi 500ml chứa: Poly (O-2-hydroxyethyl) starch (HES 130/0,4) 30g; Natri acetat trihydrate 2,315g; Natri clorid 3,01g; Kali clorid 0,15g; Magnesi clorid hexahydrat 0,15g	Dung dịch truyền	Chai/Túi 500ml	Tiêm truyền	Túi	Fresenius Kabi Deutschland GmbH	Đức	Túi Polyolefine (freeflex) 500ml	89.000	317	28.213.000
16	118	Acid zoledronic (dưới dạng Acid zoledronic monohydrat)	Aclasta 5mg/100ml Inf 100ml 1's	Aclasta	VN-19294-15	5mg/100ml	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Chai/túi 100ml	Tiêm	Chai	Novartis Pharma Stein AG	Thụy Sĩ	Hộp 1 chai 100ml	6.761.489	44	297.505.516
TỔNG CỘNG															16	1.737.593.796
17	28	Rocuronium bromide	Rocuronium Kabi 10mg/ml Inj 10x5ml	Rocuronium Kabi 10mg/ml	VN-18303-14	10mg/ml	Dung dịch tiêm, truyền tĩnh mạch	Lọ/Ống 5ml	Truyền tĩnh mạch	Lọ	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	Hộp 10 lọ 5ml	52.000	880	45.760.000

Ulu

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
18	31	Poly (O-2-hydroxyethyl) starch (HES 130/0,4); Natri acetat trihydrate; Natri clorid; Kali clorid; Magnesi clorid hexahydrat	Volulyte IV 6% 1's	Volulyte 6%	VN-19956-16	Mỗi túi 500ml chứa: Poly (O-2-hydroxyethyl) starch (HES 130/0,4) 30g; Natri acetat trihydrate 2,315g; Natri clorid 3,01g; Kali clorid 0,15g; Magnesi clorid hexahydrat 0,15g	Dung dịch truyền	Chai/Túi 500ml	Tiêm truyền	Túi	Fresenius Kabi Deutschland GmbH	Đức	Túi Polyolefine (freeflex) 500ml	89.000	127	11.303.000
TỔNG CỘNG															2	57.063.000
3																
19	3	Các acid amin	Aminosteril 10% 500ml 12's	Aminosteril 10%	VD-19242-13	10%	Dung dịch tiêm truyền	Chai/Túi 500ml	Tiêm truyền tĩnh mạch (IV)	Chai	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Chai 500ml	79.900	115	9.188.500
TỔNG CỘNG															1	9.188.500
TỔNG CỘNG															19	1.303.845.296
43 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM																
3																
1	1	Acid Acetylsalicylic	ASPIRIN 81		VD-29659-18	81mg	Viên nén bao tan trong ruột		Uống	Viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 20 vỉ x 10 viên	82	8.500	697.000

ulu

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
2	42	Etoricoxib	AGIETOXIB 120		VD-29648-18	120mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	1.750	20.880	36.540.000
3	45	Gabapentin	GAPTINEW		VD-27758-17	300mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	520	31.070	16.156.400
4	57	Linezolid	IDOMAGI		VD-30280-18	600mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	11.500	1.450	16.675.000
5	58	Lisinopril	AGIMLISIN 10		VD-26721-17	10mg	Viên nén		Uống	Viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	630	2.040	1.285.200

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
6	63	Mephenesin	AGIDECOTYL		VD-28818-18	250mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	125	22.300	2.787.500
7	64	Mephenesin	AGIDECOTYL 500		VD-25604-16	500mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 2 vi x 12 viên	245	57.500	14.087.500
8	98	Rifampicin	AGIFAMCIN 300		VD-14223-11	300mg	Viên nang		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	1.970	4.800	9.456.000
TỔNG CỘNG															8	97.684.600
5																
9	5	Etoricoxib	AGIETOXIB 120		VD-29648-18	120mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	1.750	15.660	27.405.000
TỔNG CỘNG															1	27.405.000
TỔNG CỘNG															9	125.089.600

45 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM Y ĐỒNG

22/37

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
3																
1	26	Celecoxib	Devitoc 100mg		VD-19426-13	100mg	viên nén sủi		Uống	Viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Việt Nam	Tuýp 20 viên	3.590	62.300	223.657.000
TỔNG CỘNG															1	223.657.000
4																
2	1	Aceclofenac	Clanzacr		VN-15948-12	200mg	Viên nén bao phim phóng thích có kiểm soát		Uống	Viên	Korea United Pharm. Inc	Hàn Quốc	Hộp 3 vi x 10 viên	6.900	10.300	71.070.000
TỔNG CỘNG															1	71.070.000
TỔNG CỘNG															2	294.727.000
46 CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC																
3																
1	94	Povidon iod	POVIDINE 4%		VD-31645-19	20g/500ml	Dung dịch dùng ngoài	Chai/Lọ 800ml	Dùng ngoài	Chai	Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic	Việt Nam	Chai 800ml	58.527	9.500	556.006.500
TỔNG CỘNG															1	556.006.500
TỔNG CỘNG															1	556.006.500
47 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN																
3																
1	22	mỗi 10ml chứa Calci glycerophosphat 456mg + Magnesi gluconat 426mg	A.T Calmax		VD-26104-17	456mg + 426mg	dung dịch uống		Uống	Ông	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 30 ống x 10 ml	1.449	38.660	56.018.340
2	50	Ibuprofen	A.T Ibuprofen syrup		VD-25631-16	100mg/5ml	hỗn dịch uống	Chai 60ml	Uống	Chai	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 1 chai x 60 ml	19.950	1.900	37.905.000
3	54	Kẽm (dưới dạng Kẽm gluconat) 10 mg	A.T Zinc		VD-24740-16	10mg kẽm	Viên nén phân tán		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	210	3.600	756.000

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
4	65	Methyl prednisolon (dưới dạng Methyl prednisolon natri succinat) 125mg	Atisolu 125 inj		VD-25648-16	125mg	Bột đông khô pha tiêm		Tiêm	lọ	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 5 lọ + 5 ống dm 2 ml	24.780	300	7.434.000
5	73	Mỗi 100ml dung dịch chứa: Natri clorid 900mg	Nước muối sinh lý NATRI CLORID 0,9%		VD-32743-19	0,9%	Dung dịch dùng ngoài	Chai 1000ml	Dùng ngoài	Chai	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Chai 1000 ml	9.660	20.000	193.200.000
6	75	Mỗi 100ml dung dịch chứa: Natri clorid 900mg	Nước muối sinh lý NATRI CLORID 0,9%		VD-32743-19	0,9%	Dung dịch dùng ngoài	Chai 500ml	Dùng ngoài	Chai	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Chai 500 ml	6.510	82.700	538.377.000
7	110	Thiocolchicosid	Aticolcide 4	Aticolcide 4	VD-30301-18	4mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 2 vi x 10 viên	1.323	2.560	3.386.880
8	113	Tobramycin	A.T Tobramycine inj		VD-25637-16	80mg/2ml	Dung dịch tiêm	Lọ/Ống 2ml	Tiêm	ống	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 10 ống x 2 ml	5.670	1.000	5.670.000
9	117	Vancomycin (dưới dạng Vancomycin hydroclorid)	Vancomycin 500 A.T		VD-25664-16	500mg	Bột đông khô pha tiêm		Tiêm	lọ	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 3 lọ + 3 ống dm 10 ml	18.690	1.600	29.904.000
TỔNG CỘNG														9		872.651.220
TỔNG CỘNG														9		872.651.220
48 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TƯỜNG THÀNH																
3																
1	59	Loxoprofen (dưới dạng Loxoprofen natri hydrat)	Mezafen		VD-19878-13	60mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty Cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	546	29.300	15.997.800
2	68	Nabumeton	Arthledin		VD-27876-17	750mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty Cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Hộp 6 vi x 10 viên	5.880	8.600	50.568.000
TỔNG CỘNG														2		66.565.800
TỔNG CỘNG														2		66.565.800
49 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DẪN																

Ukr

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ môi thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
3																
1	37	Adrenalin (Dưới dạng Adrenalin bitartrat)	Adrenalin 1mg/1ml		VD-31774-19	1mg/1ml	Dung dịch tiêm	Ống 1ml	Tiêm	Ống	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Hộp 10 ống x 1ml	1.850	2.400	4.440.000
2	106	Sulfamethoxazol + Trimethoprim	Cotrimoxazol 480mg		VD-24799-16	400mg 80mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Hộp 20 vi x 20 viên	215	1.050	225.750
3	107	Sultamicilin	Midactam 375		VD-26900-17	375mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Hộp 1 vi x 10 viên	3.898	23.100	90.043.800
TỔNG CỘNG															3	94.709.550
50 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM B.H.C															3	94.709.550
1																
1	19	Calci + vitamin D3	Briozcal		VN-12270-11	500mg 125IU	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Lipa Pharmaceuticals Ltd	Úc	Hộp 3 vi x 10 viên nén bao phim	2.700	75.100	202.770.000
TỔNG CỘNG															1	202.770.000
51 CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NHÂN SINH															1	202.770.000
2																
1	4	Ampicilin + Sulbactam	Nerusyn 750		VD-26160-17	500mg 250mg	Thuốc bột tiêm		Tiêm	Lọ	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Hộp 10 lọ	35.000	1.000	35.000.000
TỔNG CỘNG															1	35.000.000
3																
2	6	Acid tiaprofenic	Sunigam 100		VD-28968-18	100mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	4.900	1.000	4.900.000
TỔNG CỘNG															1	4.900.000
TỔNG CỘNG															2	39.900.000

25/37

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
53 CÔNG TY CỔ PHẦN GON SA																
2																
1	5	Calci 500mg (dưới dạng Calci lactat gluconat 2940mg + Calci carbonat 300mg)	CALCIUM STADA 500 MG		VD-27518-17	Calci 500mg (dưới dạng Calci lactat gluconat 2940mg + Calci carbonat 300mg)	viên nén sủi bọt		Uống	Viên	Chi Nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam	Việt Nam	Hộp 1 tuýp x 20 viên	3.500	326.230	1.141.805.000
2	21	Paracetamol	Paracetamol Kabi 1000		VD-19568-13 (CÔNG VÂN GIA HẠN SỐ 11437/QLD-ĐK, NGÀY 19/06/2018)	1000mg/100 ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai/Lọ/gói 100ml	Tiêm truyền	Chai thủy tinh	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Hộp 48 chai x 100ml	17.640	28.480	502.387.200
3	35	Vitamin C	VITAMIN C STADA 1G		VD-25486-16	1g	Viên nén sủi bọt		Uống	Viên	Chi Nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam	Việt Nam	Hộp 4 vi x 4 viên	1.900	2.000	3.800.000
TỔNG CỘNG															3	1.647.992.200
3																
4	4	19 acid amin	Aminoacid Kabi 5%		VD-25361-16	5%	Dung dịch tiêm truyền	Chai/Túi 500ml	Tiêm truyền	Chai thủy tinh	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Chai 500ml	66.150	1.386	91.683.900
5	16	Calci gluconolactat + Calci carbonat	GONCAL		VD-20946-14 (CÔNG VÂN GIA HẠN SỐ 10967/QLD-ĐK, NGÀY 03/07/2019)	1,47g + 0,15g	Viên nén		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp 6 vi x 10 viên	1.950	165.500	322.725.000
6	23	Calci lactat pentahydrat	CLIPOXID-300		VD-19652-13 (CÔNG VÂN GIA HẠN SỐ 12709/QLD-ĐK NGÀY 04/07/2018)	300mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp 6 vi x 10 viên	1.690	188.600	318.734.000

ulu

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
7	48	Glucose khan	Glucose 30%	Glucose 30%	VD-23167-15	30g/100ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai 500ml	Tiêm truyền	Chai nhựa PPKB	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Thùng 20 Chai 500ml	15.750	50	787.500
8	53	Kali clorid	Kali clorid Kabi 10%		VD-19566-13 (CÔNG VÂN GIA HẠN SỐ 11437/QLD-ĐK, NGÀY 19/06/2018)	1g/10ml	Dung dịch tiêm	Ống 10ml	Tiêm	Ống	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Hộp 50 ống x 10ml	1.678	2.270	3.809.060
9	55	Ketorolac tromethamin	KOZERAL		VD-18511-13 (CÔNG VÂN GIA HẠN SỐ 4213/QLD-ĐK, NGÀY 27/03/2019)	10mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp 6 vi x 10 viên	1.500	63.800	95.700.000
10	56	Lidocain HCl	Lidocain Kabi 2%	Lidocain Kabi 2%	VD-18804-13 (CÔNG VÂN GIA HẠN SỐ 4415/QLD-ĐK, NGÀY 29/03/2019)	400mg/20ml	Dung dịch tiêm	Lọ/Ống 20ml	Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần dược trang thiết bị y tế Bình Định	Việt Nam	Hộp 10 lọ x 20ml	14.332	19.500	279.474.000
11	60	Magnesi sulfat	Magnesi sulfat Kabi 15%		VD-19567-13 (CÔNG VÂN GIA HẠN SỐ: 11437/QLD-ĐK, NGÀY 19/06/2018)	1,5g/10ml	Dung dịch tiêm	Ống 10ml	Tiêm	Ống	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Hộp 50 ống x 10ml	2.835	200	567.000
12	71	Natri clorid	Natri clorid 0,9%		VD-21954-14	0,9g/100ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai 100ml	Tiêm truyền	Chai nhựa PPKB	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Thùng 80 chai nhựa 100ml	7.350	11.000	80.850.000
13	76	Natri clorid	Natri clorid 3%		VD-23170-15	3g/100ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai 100ml	Tiêm truyền	Chai nhựa PPKB	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Thùng 80 Chai 100ml	8.199	720	5.903.280
14	79	Mỗi 100ml chứa: Natri bicarbonat 1,4g	Natri bicarbonat 1.4%	Natri bicarbonat 1.4%	VD-25877-16	Mỗi 100ml chứa: Natri bicarbonat 1,4g	Dung dịch tiêm truyền	Chai 250ml	Tiêm truyền	Chai thủy tinh	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Thùng 20 chai 250ml	32.000	20	640.000

Ulu 27/37

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
15	80	Nước cất pha tiêm	Nước cất pha tiêm	Nước cất pha tiêm	VD-23172-15		Dung môi pha tiêm	Chai 500ml	Pha tiêm	Chai nhựa PPKB	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Thùng 20 Chai 500ml	8.715	4.800	41.832.000
16	86	Paracetamol	Paracetamol Kabi 1000		VD-19568-13 (CÔNG VÂN GIA HẠN SỐ 11437/QLĐ-ĐK, NGÀY 19/06/2018)	1000mg/100ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai/Lọ/gói 100ml	Tiêm truyền	Chai thủy tinh	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Hộp 48 chai x 100ml	17.640	28.480	502.387.200
17	95	Pregabalin	MORITIUS		VD-19664-13 (CÔNG VÂN GIA HẠN SỐ 12709/QLĐ-ĐK NGÀY 04/07/2018)	75mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp 6 vi x 14 viên	1.090	9.640	10.507.600
18	101	Dextrose khan 11,365g/250ml; Natri clorid 1,5g/250ml; Kali clorid 75mg/250ml; Natri lactat 750mg/250ml; Calci clorid.2H2O 50mg/250ml	Lactated Ringer's and Dextrose		VD-21953-14	Dextrose khan 11,365g/250ml; Natri clorid 1,5g/250ml; Kali clorid 75mg/250ml; Natri lactat 750mg/250ml; Calci clorid.2H2O 50mg/250ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai 500ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Thùng 20 Chai 500ml	11.025	12.600	138.915.000
19	121	Acid ascorbic	Vitamin C Kabi 500mg/5ml		VD-32121-19	500mg/5ml	Dung dịch tiêm		Tiêm	Ống	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Hộp 6 ống x 5ml	1.344	18.300	24.595.200
TỔNG CỘNG															16	1.919.110.740
TỔNG CỘNG															19	3.567.102.940
54 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1																
1																
1	50	Ephedrin hydroclorid	Ephedrine Aguetant 30mg/ml		VN-19221-15	30mg/ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Ống 1ml	Tiêm	Ống	Laboratoire Aguetant	France	Hộp 10 ống 1ml	57.750	1.590	91.822.500

Uu 28/37

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ môi trường	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
2	58	Glucosamin (dưới dạng Crystalline Glucosamine sulfate sodium chloride)	Viartil-S		VN-21282-18	Glucosamin (dưới dạng Crystalline Glucosamine sulfate sodium chloride 1884mg) 1178mg; tương đương 1500mg Glucosamin sulfate	Bột pha dung dịch uống		Uống	Gói	Rottapharm Ltd.	Ireland	Hộp 30 gói	14.979	7.750	116.087.250
3	59	Heparin sodium	Heparin		VN-15617-12	25000IU/5ml	Dung dịch tiêm	Lọ/Ống 5ml	Tiêm	Lọ	Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk	Germany	Hộp 25 lọ x 5ml	110.250	300	33.075.000
4	68	Ketamine (dưới dạng Ketamine HCl)	Ketamine Hydrochloride injection		VN-20611-17	500mg/10ml	Dung dịch tiêm	Lọ/Ống 10ml	Tiêm	Lọ	Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk	Germany	Hộp 25 lọ 10 ml	52.500	730	38.325.000
5	88	Noradrenalin (dưới dạng noradrenalin tartrat)	Levonor		VN-20116-16	1mg/ml	Dung dịch tiêm truyền	Ống 1ml	Tiêm	Ống	Warsaw Pharmaceutical Works Polfa S.A.	Poland	Hộp 10 ống x 1ml	35.000	250	8.750.000
6	111	Tenoxicam	Bart		770/QLD-KD ngày 25/01/2017; VN-21793-19	20mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Special Product's Line S.p.A	Italia	Hộp 3 vỉ x 10 viên	7.500	8.000	60.000.000
TỔNG CỘNG															6	348.059.750
3																
7	12	Hỗn hợp Ampicilin natri và Sulbactam natri	Visulin 2g/1g		VD-27150-17	Ampicilin 2g + Sulbactam 1g	Thuốc bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Việt Nam	Hộp 10 lọ	55.000	5.000	275.000.000
8	15	Bacillus subtilis	Biosubtyl-II		QLSP-856-15	10 ⁷ - 10 ⁸ CFU/250mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Công ty cổ phần Vaccine & sinh phẩm Nhà Trang	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	1.600	1.000	1.600.000

ulu

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
9	19	Calci carbonat + Vitamin D3	Calci-vitamin D		VD-19400-13	600mg + 400IU	Viên sủi bọt		Uống	Viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC	Việt Nam	Hộp 1 tuýp x 10 viên	1.880	40.000	75.200.000
10	93	Povidone iodine	Povidon iod 10%		VD-32019-19	10%(kl/tt)	Dung dịch dùng ngoài	Chai/Lo 90ml	Dùng ngoài	Lọ	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Việt Nam	Bọc màng co 20 lọ x 90ml	7.880	2.560	20.172.800
TỔNG CỘNG															4	371.972.800
TỔNG CỘNG															10	720.032.550
55 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2																
3																
1	28	Colchicin	COLCHICINE GALIEN		VD-22784-15	1mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2	Việt Nam	Hộp 1vi x 20viên	420	320	134.400
TỔNG CỘNG															1	134.400
TỔNG CỘNG															1	134.400
57 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA																
1																
1	39	Diazepam	Diazepam-Hameln 5mg/ml Injection		VN-19414-15	5mg/ml	Dung dịch tiêm		Tiêm	Ống	Siegfried Hameln GmbH	Germany	Hộp 10 ống 2ml	7.707	1.890	14.566.230
2	46	Dobutamine Hydrochloride	Dobutamine-hameln 12,5mg/ml		VN-15324-12	12,5mg Dobutamin/ml	Dung dịch tiêm truyền		Tiêm truyền	Ống	Siegfried Hameln GmbH	Germany	Hộp 5 ống x 20ml	61.950	20	1.239.000
3	81	Naloxon HCl (dưới dạng Naloxone hydroclorid)	Naloxone-hameln 0.4mg/ml Injection		VN-17327-13	0,4mg/ml	Dung dịch tiêm		Tiêm	Ống	Siegfried Hameln GmbH	Germany	Hộp 10 ống 1ml	43.995	20	879.900
4	114	Acid tranexamic	Medsamic 250mg/5ml		VN-20801-17	Mỗi 5ml dung dịch chứa Acid tranexamic 250mg	Dung dịch tiêm		Tiêm	Ống	Medochemie Ltd - Ampoule injectable Facility	Cyprus	Hộp 2 vi x 5 ống	9.430	4.740	44.698.200
TỔNG CỘNG															4	61.383.330

30/37

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ môi trường	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
2																
5	10	Celecoxib	Celofin 200		VN-19973-16	200mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Hộp 3 vỉ x 10 viên	945	34.940	33.018.300
TỔNG CỘNG															1	33.018.300
3																
6	5	L-Arginin HCl; L-Histidin.HCl.H2O; L-Methionin; L-Phenylalanin; L-Threonin; L-Valin; Glycin; L-Lysin HCl; L-Tryptophan; L-Leucine; L-Isoleucin; L-Prolin; L-Serin; L-Alanin; L-Cystein.HCl.H2O	Aminoleban	Aminoleban	VD-27298-17	8%	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai/Túi 500ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	chai 500ml	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam	Việt nam	chai 500ml	154.000	60	9.240.000
7	47	Glucose (Dextrose)	Glucose 10%	Glucose 10%	VD-30703-18	10%	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai 500ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	chai 500ml	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam	Việt nam	Chai 500ml	10.970	40	438.800
8	67	Morphin hydroclorid	Morphin (Morphin hydroclorid 10mg/ml)		VD-24315-16	10mg/ml	Dung dịch tiêm		Tiêm	Ống	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha tại Bình Dương	Việt Nam	Hộp 10 ống x 1ml	4.410	3.300	14.553.000
9	72	Natri clorid	Sodium Chloride 0.9%	Sodium Chloride 0.9%	VD -24019-15	0,9g/100ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai/Túi 500ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai nhựa 500ml	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam	Việt nam	Chai nhựa 500ml	8.175	150.700	1.231.972.500

ulu

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÌNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
10	78	Natri clorid ; Kali clorid ; Monobasic kali phosphat ; Natri acetat.3H ₂ O ; Magne sulfat.7H ₂ O ; Kẽm sulfat.7H ₂ O ; Dextrose Anhydrous	Glucolyte -2		VD-25376-16	1L dung dịch chứa: Acetate 10mEq, Cl- 77mEq, Dextrose 75g, K+ 20mEq, Mg2+ 5mEq, Na+ 77mEq, Phosphat 10mmol, Sulfat 5mEq, Zn2+ 0,08mEq	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai 500ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	chai 500ml	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam	Việt nam	chai 500ml	17.000	4.500	76.500.000
11	97	Ranitidin (dưới dạng Ranitidin hydroclorid)	A.T Ranitidine inj		VD-24133-16	50mg/2ml	Dung dịch tiêm		Tiêm	Ống	Nhà máy sản xuất dược phẩm An Thuận	Việt Nam	Hộp 10 ống x 2ml	2.625	4.240	11.130.000
12	100	Calci clorid.2H ₂ O ; Kali clorid ; Natri clorid ; Natri lactat	Lactated Ringer's		VD-25377-16		Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai/Túi 500ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	chai 500ml	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam	Việt nam	chai 500ml	8.590	46.700	401.153.000
13	114	Tramadol HCl	Privagin		VD-19966-13	100mg/2ml	Dung dịch tiêm	Ống 2ml	Tiêm	Ống	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Việt Nam	Hộp 10 ống x 2ml	6.993	8.150	56.992.950
TỔNG CỘNG															8	1.801.980.250
TỔNG CỘNG															13	1.396.381.880

58 CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG

1

ulu

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1	6	L-Isoleucine + L-Leucine + L-Lysine acetate + L-Methionine + L-Phenylalanine + L-Threonine + L-Tryptophan + L-Valine + L-Alanine + L-Arginine + L-Aspartic acid + L-Glutamic acid + L-Histidine + L-Serine + L-Proline + L-Tyrosine + Glycine	Neoamiyu		VN-16106-13 (CÓ CV GIA HẠN SỐ 4458/QLD-ĐK NGÀY 01/04/2019)	6,1%	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Túi 200ml	Truyền tĩnh mạch	Túi	Ay Pharmaceuticals Co., Ltd	Nhật	Túi 200ml	116.258	90	10.463.220
2	8	Albumin người	Albutein 25% x 50ml	Albutein (đóng gói Grifols Biologicals Inc., địa chỉ: 13111 Temple Avenue City of Industry, CA 91746, USA)	VN-16274-13 (CÓ CV GIA HẠN SỐ 5364/QLD-ĐK NGÀY 12/04/2019)	25%	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Chai/Lọ 50ml	Truyền tĩnh mạch	Chai	Grifols Biologicals Inc.	Mỹ	Hộp 1 chai 50ml	890.000	150	133.500.000
3	9	Acid Alendronic (dưới dạng natri alendronat trihydrat) + Vitamin D3 (dưới dạng vitamin D3 100.000IU/g)	Fosamax Plus 70mg/5600IU		VN-19253-15	70mg + 5.600UI	Viên nén		Uống	Viên	Frosst Iberica, S.A	Tây Ban Nha	Hộp 1 vỉ x 4 viên	114.180	1.500	171.270.000
4	12	Attapulgit + Aluminum hydroxide and magnesium	Gastropulgit B/30 Sach	Gastropulgit	VN-17985-14	2,5g + 0,5g	Bột pha hỗn dịch uống		Uống	Gói	Beaufour Ipsen Industrie	Pháp	Hộp 30 gói	3.052	150	457.800
5	14	Betahistine dihydrochloride	Betaserc 16mg		VN-17206-13 (CÓ CV GIA HẠN SỐ 19981/QLD-ĐK NGÀY 22/10/2018)	16mg	Viên nén		Uống	Viên	Mylan Laboratorie SAS	Pháp	Hộp 3 vỉ x 20 viên	1.986	250	496.500
6	18	Budesonide	Budesonide Teva 0,5mg/2ml		VN-15282-12 (CÓ CV GIA HẠN SỐ 23837/QLD-ĐK NGÀY 27/12/2018)	0,5mg/2ml	Hỗn dịch khí dung	Ống 2ml	Đường hô hấp	Ống	Norton Healthcare Limited T/A Ivax Pharmaceuticals UK	Anh	Hộp 30 ống 2ml	12.534	710	8.899.140
7	20	Magnesium gluconate + calcium glycerophosphate	Fatig		VN-20359-17	0,426g + 0,456g	Dung dịch uống		Uống	Ống	Pharmatis	Pháp	Hộp 2 vỉ x 10 ống	5.163	38.660	199.601.580
8	29	Clostridium botulinum type A toxin-Haemagglutinin complex	Dysport 300U B/1	Dysport	QLSP-1015-17	300U	Bột pha dung dịch tiêm		Tiêm	Lọ	Ipsen Biopharm Limited	Anh	Hộp 1 lọ	4.800.940	20	96.018.800

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bao chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
9	30	Clostridium botulinum type A toxin - Haemagglutinin complex	Dysport 500U B/1	Dysport	QLSP-1016-17	500U	Bột pha dung dịch tiêm		Tiêm	Lọ	Ipsen Biopharma Limited	Anh	Hộp 1 lọ	6.627.920	10	66.279.200
10	31	Cyclophosphamide	Endoxan 500mg Inj B/1	Endoxan	VN-16582-13 (CÓ CV GIA HẠN SỐ 5084/QLD-ĐK NGÀY 08/04/2019)	500mg	Bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Baxter Oncology GmbH	Đức	Hộp 1 lọ	124.376	200	24.875.200
11	35	Desflurane	Suprane 100%/240ml B/1	Suprane	VN-17261-13 (CÓ CV GIA HẠN SỐ 19857 NGÀY 19/10/2018)	100%	thuốc mê bay hơi (chất lỏng dùng để hít)	Chai 240ml	Dạng hít	Chai	Baxter Healthcare Corporation	Mỹ	Chai 240ml	2.700.000	20	54.000.000
12	48	Enoxaparin Natri	Lovenox 40mg/ 0,4ml	Lovenox	QLSP-892-15	40mg (4000 anti-Xa IU/0,4ml)/0,4 ml	Dung dịch tiêm đóng sẵn trong bơm tiêm	Bơm tiêm 0,4ml	Tiêm dưới da	Bơm tiêm	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	Hộp 2 bơm tiêm đóng sẵn 0,4ml	85.381	3.500	298.833.500
13	49	Enoxaparin Natri	Lovenox 60mg/ 0,6ml	Lovenox	QLSP-893-15	60mg(6000 anti-Xa IU/0,6ml)/0,6 ml	Dung dịch tiêm đóng sẵn trong bơm tiêm	Bơm tiêm 0,6ml	Tiêm dưới da	Bơm tiêm	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	Hộp 2 bơm tiêm đóng sẵn 0,6ml	113.163	2.336	264.348.768
14	61	Ifosfamide	Holoxan 1g Inj B/1	Holoxan	VN-9945-10 (CÓ CV GIA HẠN SỐ 19857 NGÀY 19/10/2018)	1g	Bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Baxter Oncology GmbH	Đức	Hộp 1 lọ	401.000	2.400	962.400.000
15	62	Insulin glargine	Lantus Solostar		QLSP-857-15	300IU/3ml	Dung dịch tiêm trong bút tiêm nạp sẵn	Bút tiêm 3ml	Tiêm dưới da	Bút tiêm	Sanofi-Aventis Deutschland GmbH	Đức	Hộp 5 bút tiêm x 3ml dung dịch tiêm	277.000	135	37.395.000
16	63	Insulin Human	Actrapid 1000IU/10ml B/1	Actrapid	QLSP-1029-17 (CÓ CV CẤP NHẬP MÃ CODE BƯU ĐIỆN CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT SỐ 18649/QLD-ĐK NGÀY 13/11/2017)	1000IU/10ml	Dung dịch tiêm	Lọ 10ml	Tiêm	Lọ	Novo Nordisk Production S.A.S	Pháp	Hộp chứa 1 lọ x 10ml	80.000	75	6.000.000

ulu

STT	STT trong Hồ sơ môi trường	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
17	64	Mỗi 3ml chứa: Insulin người (30% Insulin hòa tan + 70% Insulin Isophan)	Humulin 30/70 Kwikpen		QLSP-1089-18	300IU/3ml	Hỗn dịch tiêm	Bút tiêm 3ml	Tiêm	Bút tiêm	Lilly France	Pháp	Hộp 5 bút tiêm chứa sẵn thuốc x 3ml	137.850	610	84.088.500
18	75	Mesna	Uromitexan 400mg/4ml Inj B/15	Uromitexan	VN-20658-17	400mg/4ml	Dung dịch tiêm truyền		Tiêm	Ống	Baxter Oncology GmbH	Đức	Hộp 15 ống x 4ml	36.243	1.470	53.277.210
19	83	Nefopam hydroclorid	Acupan	Acupan (xuất xưởng: Biocodex, địa chỉ: 1, Avenue Blaise Pascal-60000 Beauvais-France)	VN-18589-15	20mg	Dung dịch tiêm		Tiêm	Ống	Delpharm Tours (xuất xưởng: Biocodex)	Pháp	Hộp 5 ống 2ml	33.000	8.440	278.520.000
20	87	Nicardipin hydroclorid	Nicardipine Aguetant 10mg/10ml		VN-19999-16	10mg/10ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch		Tiêm truyền	Ống	Laboratoire Aguetant	Pháp	Hộp 10 ống x 10ml	124.999	60	7.499.940
21	90	Paracetamol	Efferalgan 150mg Suppo	Efferalgan	VN-21850-19	150mg	Thuốc đạn		Đặt hậu môn	Viên	UPSA SAS	Pháp	Hộp 2 vi x 5 viên	2.258	2.550	5.757.900
22	92	Paracetamol	Efferalgan 300mg Suppo	Efferalgan (Cơ sở xuất xưởng: Upsa SAS, đ/c: 979 Avenue des Pyrénées, 47520, Le Passage, France)	VN-21217-18	300mg	Viên đạn		Đặt hậu môn	Viên	UPSA SAS	Pháp	Hộp 2 vi x 5 viên	2.641	2.180	5.757.380
23	93	Paracetamol	Efferalgan 80mg Suppo	Efferalgan (Cơ sở xuất xưởng: Upsa SAS, đ/c: 979 Avenue des Pyrénées, 47520 Le Passage, France)	VN-20952-18	80mg	Viên đạn		Đặt hậu môn	Viên	UPSA SAS	Pháp	Hộp 2 vi x 5 viên đạn	1.890	110	207.900
24	97	Mỗi 1ml dung dịch chứa: Phenylephrin (dưới dạng phenylephrin hydroclorid) 50mcg	Phenylephrine Aguetant 50 Microgrammes/ml		VN-21311-18	Mỗi 1ml dung dịch chứa: Phenylephrin (dưới dạng phenylephrin hydroclorid) 50mcg	Dung dịch tiêm trong bơm tiêm đóng sẵn	Bơm tiêm/10/ống 10ml	Tiêm	Bơm tiêm	Laboratoire Aguetant	Pháp	Hộp 10 bơm tiêm đóng sẵn x 10ml	194.500	50	9.725.000
25	101	Propofol	Propofol-Lipuro 0.5% (5mg/ml)		VN-13505-11 (CƠ C.V. GIA HẠN SỐ 14646/QLD-ĐK NGÀY 30/07/2018)	5mg/ml	Nhũ tương tiêm	Lọ/Ống 20ml	Tiêm truyền	Ống	B.Braun Melsungen AG	Đức	Hộp 5 ống tiêm 20ml	93.555	230	21.517.650

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
TỔNG CỘNG															25	2.801.190.188
2																
26	29	Sắt protein succinylat	Ferlatum	Ferlatum (đóng gói: CIT s.r.l.)	VN-14241-11 (CÓ CV GIA HẠN SỐ 67/QLD-BK NGÀY 04/01/2019)	800mg	Dung dịch uống		Uống	Lọ	Italfarmaco, S.A. (đóng gói tại: CIT s.r.l.)	Tây Ban Nha (đóng gói tại Ý)	Hộp 10 lọ x 15ml	18.500	18.170	336.145.000
27	32	Acid tranexamic	Haemostop 250mg/5ml Inj B/5	Haemostop	VN-21943-19	250mg/50ml	Dung dịch tiêm		Tiêm	Công	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories	Indonesia	Hộp 5 ống x 5ml	8.000	3.160	25.280.000
TỔNG CỘNG															2	361.425.000
3																
28	74	Mỗi 100ml chứa: Natri clorid 0,9g	Natri clorid 0.9% 1000ml	Dịch truyền tĩnh mạch Natri clorid 0.9%	VD-32723-19	0.9g/100ml	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Chai/Túi 1000ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty TNHH B.Braun Việt Nam	Việt Nam	Chai 1000ml	14.700	21.000	308.700.000
TỔNG CỘNG															1	308.700.000
TỔNG CỘNG															28	3.471.315.188
59 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI																
2																
1	13	Eperison hydroclorid	Savi Eperisone 50		VD-21351-14	50mg	Viên nén bao phim		uống	viên	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	Hộp 5 vỉ x 10 viên	860	179.250	154.155.000
2	14	Etodolac	Savi Etodolac 200		VD-23005-15	200mg	viên nén bao phim		uống	viên	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	3.500	13.850	48.475.000
3	26	Risedronat natri	SaViRisone 35		VD-24277-16	35mg	Viên		uống	viên	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	Hộp 1 vỉ x 4 viên; hộp 3 vỉ x 4 viên	16.500	200	3.300.000
4	27	Risedronat natri	SaViRisone 5		VD-23013-15	5mg	Viên nén bao phim		uống	viên	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	6.300	500	3.150.000
TỔNG CỘNG															4	209.080.000
3																
5	2	Acid Alendronic	SaVi Alendronate		VD-25266-16	10mg	Viên nén sủi bọt		uống	viên sủi	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	Hộp 1 vỉ x 4 viên, hộp 3 vỉ x 10 viên	2.200	500	1.100.000

Ước 36/37

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
6	8	Acid alendronic + Colecalciferol	SaViOsmax		VD-28041-17	70mg + 2800 iu	Viên sủi bọt		uống	viên sủi	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	Hộp 1 vi x 4 viên; hộp 3 vi x 4 viên	56.330	1.500	84.495.000
7	38	Esomeprazol	Savi Esomeprazole 10		VD-20809-14	10mg	Thuốc cốm uống		uống	gói	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	Hộp 14 gói x 0,65g	4.500	500	2.250.000
TỔNG CỘNG															3	87.845.000
4																
8	4	Trimetazidin	SaVi Trimetazidine 35 MR		VD-11690-10	35mg	viên nén bao phim giải phóng kéo dài		uống	viên	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	645	390	251.550
TỔNG CỘNG															1	251.550
TỔNG CỘNG															3	297.176.550

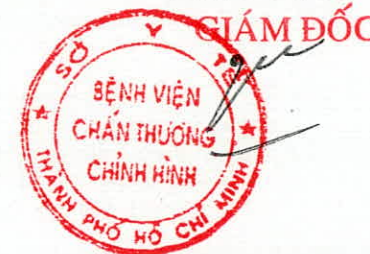
Số lượng sản phẩm trúng thầu : 205

Tổng trị giá trúng thầu : 28.211.301.534

Ngày07..... Tháng10..... Năm2019.....

BÊN MỜI THẦU

(Ký, ghi rõ họ tên)



BS. Châu Văn Đỉnh